



Quảng Trị

NĂM THỨ HAI

SỐ: 262

Chủ nhật

22/3/2026

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

● Email: baoquangtri@gmail.com
● www.baoquangtri.vn



CHÀO MỪNG THÀNH CÔNG CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

Làng bên sông, phố bên sông

(Xem bài trang 2)



Trang 3

Khát vọng
đưa cà phê Khe Sanh vươn ra thế giới

Hồn quê
trong tiếng hò khoan

Trang 4

Làng bên sông, phố bên sông

1. Mỗi lần đến với Lý Hòa, bao giờ tôi cũng tìm gặp ông Nguyễn Sỹ Hùng, một cán bộ Tuyên giáo về hưu, cũng là người con của làng. Ông đã dành trọn đời mình để nghiên cứu về vùng đất quê hương nên trong cách ông kể về từng tên đất, tên làng cứ thăm thẳm tình yêu và sâu dày kiến thức.

Ông bảo, cách đây gần 400 năm, những ngư dân từ vùng đất Cương Gián (tỉnh Hà Tĩnh) rời làng, mang theo kinh nghiệm đi biển, mang theo cả cách sống của một cộng đồng quen đối mặt với sóng gió. Những cư dân đầu tiên vượt qua Hoành Sơn, men theo dải đất ven biển, rồi dừng lại ở một vùng “có núi, có sông, có biển”. Ở đây có cát trắng, có biển xanh, có những dãy núi như bức bình phong chắn gió, có cửa sông mở ra phía biển. Một thế đất mà người xưa gọi là “thượng sơn, hạ thủy” đủ để sinh tồn, đủ để phát triển nhưng cũng đủ thử thách để rèn giũa con người.

Ông Hùng bảo, ban đầu, họ ở phía Nam sông Thuận Cồ, rồi dần chuyển sang phía Bắc, nơi đất đai bằng phẳng hơn, thuận lợi hơn cho một cuộc định cư lâu dài. Những mái nhà đầu tiên dựng lên từ cát. Những con thuyền đầu tiên hạ thủy từ khát vọng. Và từ đó, một làng biển hình thành. Tôi đứng ở cửa biển khá lâu. Nhìn ra khoảng nước rộng mở ấy, nghe ông Hùng và những người già ở Lý Hòa tâm tình, tôi chợt hiểu vì sao người xưa không chỉ dừng chân ở nơi đây để sống, mà còn chọn nơi này để bắt đầu những cuộc đi.

Sáng mùa xuân. Con đường dẫn từ trung tâm làng Lý Hòa (nay thuộc xã Đông Trạch) hướng ra phía biển lòng lộng gió, mang theo vị mặn mòi, ấm nồng. Sau một đêm mưa sinh giữa sóng cả, những con thuyền nhỏ nằm ngả mình trên cát. Vài người đàn ông ngồi vãi lưới, ánh mắt dịu dàng hướng ra phía biển. Cuộc sống nơi đây yên bình, không ồn ào, chẳng vội vã nhưng phải đến với Lý Hòa đủ lâu, hiểu đủ sâu mới cảm nhận được những đẹp đẽ từ cốt cách, những giá trị trầm tích của ngôi làng bên chân sóng này.



Di tích lịch sử cấp Quốc gia đình làng Lý Hòa

- Ảnh: D.H

Bởi từ rất sớm, Lý Hòa đã vừa là một làng chài, vừa là một bến thuyền buôn bán tấp nập của vùng đất Quảng Bình xưa. Ông Nguyễn Duy Hùng, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Hải Trạch (cũ) kể rằng, ngày còn nhỏ, ông đã chứng kiến cửa sông Lý Hòa nhộn nhịp tàu thuyền. Trên bến, dưới sông sầm uất như một thương cảng. Ghe thuyền qua lại, hàng hóa tủa đi khắp nơi. Biển, với người Lý Hòa, vừa là không gian kiếm sống, vừa là con đường hướng ra những chân trời thênh thang. Không phải ngẫu nhiên mà từ rất sớm, người Lý Hòa đã quen với việc đóng thuyền lớn, đi buôn, đi biển xa, thậm chí vào tận phương Nam để mưu sinh.

Trong cuốn “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn có viết, ngay từ thế kỷ XVIII, người Lý Hòa đã “có tục quen buôn bán, thời bình vào Gia Định đóng thuyền nan lớn đến trăm chiếc, mỗi chiếc giá hơn nghìn quan đem về bán lại”.

2. Chính vị thế đặc biệt cùng lịch sử sâu dày của vùng đất “núi giảng một phía, biển vây ba bề” mà Lý Hòa mang trong mình những giá trị văn hóa hiếm làng quê nào có được. Những công trình mang đậm dấu ấn thời gian như đình làng Lý Hòa, nhà thờ họ Nguyễn Duy, nhà thờ họ Hồ... đều đã được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Từ 12 dòng họ thuở khai đất, lập làng, theo thời gian, Lý Hòa nay đã phát triển thành 28 dòng họ. Mỗi dòng họ là một mạch nối của ký ức, một phần của lịch sử làng được nâng niu, gìn giữ từ trong chính mỗi gia đình. Có những dòng họ lớn như họ Nguyễn Duy, với nhiều đời làm quan, để lại dấu ấn của một làng không chỉ biết bám biển mưu sinh mà còn trọng chữ nghĩa. Nhiều dòng họ vẫn còn lưu giữ được sắc phong của các triều đại phong kiến, như một sự ghi nhận những đóng góp của tiền nhân, như họ Phạm, họ Hồ... Những “vàng son một thuở” ấy được con cháu gìn giữ, nâng niu qua nhiều thế hệ để nhắc nhở và để tự hào.

Bên trong đình Lý Hòa, một công trình cổ kính được xây dựng từ thế kỷ XVIII, người làng thờ những vị tổ khai canh, khai khẩn. Ở đó, những nghi lễ truyền thống vẫn được duy trì. Lịch sử, giá trị văn hóa cổ xưa cứ thế sống trọn vẹn qua từng nhịp sinh hoạt của cộng đồng. Ở Lý Hòa, văn hóa không tách rời đời sống. Nó hiện diện trong từng mùa lễ hội, trong mỗi chuyến ra khơi, trong cả những điều tưởng như rất nhỏ bé. Đó là những lễ hội đua thuyền đầu năm gửi gắm ước vọng cho một năm mưa thuận gió hòa, biển yên, tôm cá đầy khoang. Đó là tín ngưỡng thờ cá Ông, thờ thần biển. Đó là những câu hò, câu ví, những kinh nghiệm đi biển được truyền lại qua nhiều thế hệ. Những giá trị ấy đã bền bỉ ăn sâu vào nếp nghĩ của từng người làng. Và có lẽ, điều đáng quý hơn cả, là những tri

thức ấy không nằm trong sách vở, mà nằm trong chính đời sống, từ cách nhìn màu nước để đoán luồng cá, cách nghe gió để biết thời tiết, đến cách đọc con sóng để chọn thời điểm ra khơi...

3. Tôi đi ra phía biển, gặp một gia đình đang chuẩn bị ra khơi. Người chồng buộc lại dây neo, người vợ xếp từng vật dụng lên thuyền. Mọi thứ diễn ra như một thói quen đã lặp lại qua nhiều năm tháng. Tôi hỏi, có khi nào muốn làm nghề khác không? Người vợ cười hiền: “Biển nuôi mình cả mấy đời rồi, bỏ rằng được”. Cũng như chị nói, ở Lý Hòa, nhiều gia đình vẫn giữ được nghề biển truyền thống. Chồng lênh đênh theo tàu đánh bắt xa bờ hoặc đi lộng. Vợ ở nhà buôn bán. Trải qua những biến động, làng gốc Lý Hòa nay chia tách thành 7 thôn, trong đó, 6 thôn vẫn bám trụ với nghề biển. Cả làng có hơn 170 tàu cá các loại, ngày nổi ngày ra khơi, vào lộng. Cửa sông cứ thế nhộn nhịp theo từng nhịp triều xuống, lên.

Trong những câu chuyện đầy tự hào, tôi nghe nhiều về ông Phan Hải, một người con sinh ra từ làng và trọn vẹn tình yêu với làng. Người làng kể rằng, làng cần một ngôi trường mới, ông góp sức xây trường. Làng cần một công viên nhỏ để trẻ con có chỗ vui chơi, ông lại đứng ra lo liệu. Rồi những con đường, những công trình, những việc tưởng như nhỏ, cứ thế, qua năm tháng, được ông góp nhặt, vun vén. Số tiền ông đóng góp cho quê hương đã lên đến hàng chục tỉ đồng.

Cũng như ông, người Lý Hòa tự hào là dù ở đâu, trong tâm thức của mỗi người đều hướng về dải đất hẹp neo mình nơi cửa sông này. Có người vào Nam, có người ra Bắc, nhiều người ra nước ngoài. Mỗi người một con đường. Nhưng ai cũng ý thức về nguồn cội với mong muốn đóng góp cho quê hương. Nên không lạ khi mà một làng làm nghề biển từ nhiều đời nhưng nay lại rục rờ, hiện đại như một thành phố thu nhỏ bên sông với đủ các công trình, thiết chế văn hóa khang trang, bề thế.

Tôi rời Lý Hòa khi chiều đã ngả màu. Những con thuyền lại nối nhau ra khơi. Giờ này, làng đã lên đèn, lung linh tựa như một phố nhỏ rục rờ bên bờ biển biếc. Làng bên sông. Phố bên sông. Và ở giữa hai miền ấy, người Lý Hòa vẫn giữ lại trong mình cái cốt cách biển: Mộc mạc, hào sảng và nghĩa tình.



Làng Lý Hòa khang trang như một phố nhỏ ven sông

- Ảnh: TRẦN THUẬN

DIỆU HƯƠNG

Khát vọng đưa cà phê Khe Sanh VƯƠN RA THẾ GIỚI

Vùng đất của cà phê và hòa bình
● **P.V:** *Thưa ông, trong khuôn khổ Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026, vào tháng 10 năm nay sẽ diễn ra chuỗi hoạt động kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh. Với những người gắn bó với cây cà phê nơi đây, sự kiện này có ý nghĩa như thế nào?*

- **Ông Trần Thái Thiên:** Có thể nói, đây là dấu mốc rất đặc biệt đối với vùng cà phê Khe Sanh. Một thế kỷ trước, người Pháp đưa cây cà phê vào trồng tại vùng đất này, trên các đồn điền khai thác thuộc địa. Trải qua nhiều biến động lịch sử, người dân Khe Sanh - Hướng Hóa vẫn kiên trì gắn bó với cây cà phê và từng bước phát triển loại cây này thành cây trồng chủ lực của địa phương. Nhờ điều kiện khí hậu mát mẻ, thổ nhưỡng bazan màu mỡ của dãy Trường Sơn, cà phê Khe Sanh có hương vị đặc trưng: Đậm đà, hậu vị ngọt và hương thơm tự nhiên. Qua nhiều thế hệ, cây cà phê không chỉ góp phần cải thiện đời sống người dân mà còn trở thành biểu tượng của vùng đất Khe Sanh - Hướng Hóa. Ngày nay, khi nhắc đến Khe Sanh, nhiều người không chỉ nhớ đến một địa danh lịch sử mà còn nhớ đến những đồi cà phê trải dài với tổng diện tích gần 4.000ha tạo nên diện mạo kinh tế mới cho vùng đất phía Tây của tỉnh Quảng Trị.

Vì vậy, kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh không chỉ là dịp nhìn lại lịch sử mà còn là cơ hội để khẳng định giá trị và vị thế của vùng cà phê này trong bức tranh nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị.

● **P.V:** *Ông có thể chia sẻ những điểm nhấn của chuỗi hoạt động kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh?*

- **Ông Trần Thái Thiên:** Chuỗi hoạt động kỷ niệm được xây dựng với nhiều nội dung phong phú. Điểm nhấn là lễ kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh, kết hợp chương trình nghệ thuật tôn vinh lịch sử và văn hóa của vùng cà phê này. Bên cạnh đó sẽ có triển lãm tư liệu, hình ảnh và sản phẩm cà phê, giới thiệu hành trình một thế kỷ của cây cà phê trên vùng đất Khe Sanh - Hướng Hóa. Một điểm mới đáng chú ý là các hoạt động trải nghiệm du lịch nông nghiệp, đưa du khách đến tham quan các nông trại cà phê, tìm hiểu quy trình sản xuất và thưởng thức cà phê ngay tại vùng nguyên liệu. Ngoài ra, hội thảo về phát triển ngành hàng cà

Năm 2026 đánh dấu tròn một thế kỷ cây cà phê bén rễ trên vùng đất Khe Sanh - Hướng Hóa. Từ những đồn điền thuộc địa do người Pháp đưa vào trồng năm 1926, đến nay, Khe Sanh đã trở thành một trong những vùng cà phê chất lượng cao, từng bước khẳng định vị thế trên bản đồ cà phê đặc sản Việt Nam. Tháng 10/2026, Quảng Trị sẽ tổ chức chuỗi hoạt động kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh trong khuôn khổ Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026. Đây là sự kiện mở ra cơ hội quảng bá, nâng tầm thương hiệu cà phê Khe Sanh trong tiến trình hội nhập. Phóng viên (P.V) Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị đã có cuộc trao đổi với ông Trần Thái Thiên, Chủ tịch Hội Cà phê Khe Sanh về những hoạt động đang được chuẩn bị cho dấu mốc đặc biệt này.



Trải nghiệm du lịch nông nghiệp sơ chế cà phê

- Ảnh: T.H



Chủ tịch Hội Cà phê Khe Sanh Trần Thái Thiên - Ảnh: T.H

phê đặc sản cũng sẽ được tổ chức nhằm kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư và các chuyên gia trong lĩnh vực cà phê.

● **P.V:** *Công tác chuẩn bị cho sự kiện này hiện nay đang được triển khai như thế nào, thưa ông?*

- **Ông Trần Thái Thiên:** Ngay từ đầu năm 2026, Hội Cà phê Khe Sanh đã phối hợp với các cơ quan của tỉnh và các xã Khe Sanh, Hướng Phùng, Tân Lập, A Dơi của vùng trồng cà phê Khe Sanh - Hướng Hóa xây dựng kế hoạch tổ chức chuỗi hoạt động kỷ niệm mang tính tổng thể. Mục tiêu là vừa tôn vinh lịch sử

phát triển của cây cà phê trên vùng đất này, vừa tạo cơ hội quảng bá sản phẩm, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp. Chúng tôi xác định rõ, lễ kỷ niệm 100 năm không chỉ là sự kiện nhìn lại quá khứ mà còn phải mở ra một tầm nhìn mới cho ngành cà phê Khe Sanh trong giai đoạn hội nhập.

● **P.V:** *Sự kiện kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh được tổ chức trong khuôn khổ Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026 của tỉnh. Điều này gửi gắm thông điệp gì?*

- **Ông Trần Thái Thiên:** Khe Sanh từng là địa danh gắn với những trang sử oanh liệt. Nhưng hôm nay, khi nhắc đến Khe Sanh, nhiều người nhớ đến những đồi cà phê xanh bạt ngàn và cuộc sống ngày càng khởi sắc của người dân nơi đây. Chính vì vậy, sự kiện này gửi gắm thông điệp về hòa bình, về sự hồi sinh và về khát vọng phát triển.

Xây dựng thương hiệu cà phê Khe Sanh vươn ra thế giới

● **P.V:** *Theo ông, sự kiện kỷ niệm 100 năm lần này sẽ mở ra những cơ hội gì cho việc phát triển thương hiệu cà phê Khe Sanh?*

- **Ông Trần Thái Thiên:** Chúng tôi kỳ vọng sự kiện này sẽ giúp cà

phê Khe Sanh được biết đến nhiều hơn trên thị trường trong nước và quốc tế. Hiện nay, cà phê Khe Sanh đã được cấp chỉ dẫn địa lý, nhiều vùng trồng đang được quản lý theo tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc, phát triển theo hướng cà phê đặc sản. Tuy nhiên, để xây dựng thương hiệu mạnh thì cần sự liên kết chặt chẽ hơn giữa người trồng cà phê, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến và thị trường. Trong thời gian tới, Hội Cà phê Khe Sanh sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan chuyên môn để xây dựng mã số vùng trồng và hệ thống truy xuất nguồn gốc; phát triển chuỗi giá trị cà phê đặc sản; kết nối với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu; tham gia các cuộc thi và sự kiện cà phê quốc tế.

Thông qua lễ kỷ niệm 100 năm, chúng tôi mong muốn thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp rang xay, các nhà đầu tư, doanh nghiệp xuất khẩu và cộng đồng những người yêu cà phê đến với cà phê Khe Sanh.

● **P.V:** *Ông kỳ vọng điều gì cho chặng đường phát triển tiếp theo của cà phê Khe Sanh?*

- **Ông Trần Thái Thiên:** Chúng tôi mong muốn trong thời gian tới, cà phê Khe Sanh sẽ tiếp tục được đầu tư phát triển theo hướng chất lượng cao, bền vững và có giá trị gia tăng lớn hơn. Xu hướng cà phê đặc sản trên thế giới đang mở ra nhiều cơ hội. Nếu làm tốt từ khâu sản xuất đến chế biến và xây dựng thương hiệu, cà phê Khe Sanh hoàn toàn có thể khẳng định vị thế của mình trên bản đồ cà phê thế giới.

Còn khoảng 7 tháng nữa, sự kiện kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh sẽ chính thức diễn ra. Nhưng ngay từ bây giờ, không khí chuẩn bị cho dấu mốc đặc biệt ấy đã bắt đầu lan tỏa trên vùng đất Khe Sanh - Hướng Hóa. Bước sang chặng đường mới, cùng với sự quan tâm của tỉnh Quảng Trị và nỗ lực của người trồng cà phê, thương hiệu cà phê Khe Sanh được kỳ vọng sẽ vươn xa hơn, trở thành đại diện xứng đáng của cà phê Việt trên bản đồ thế giới. Từ ký ức chiến tranh, Khe Sanh hôm nay đang kể một câu chuyện mới - câu chuyện về phát triển nông nghiệp bền vững, về những sản phẩm mang bản sắc địa phương và khát vọng hội nhập.

● **P.V:** *Xin trân trọng cảm ơn ông!*
THANH HẢI (thực hiện)

• NGUYỄN VĂN DỪNG

Hoa gạo

Hoa gạo đỏ thắm Ba
Đường làng đầy sắc đỏ
Tiếng nô đùa trẻ nhỏ
Nhật đầy làn thắm tươi

Em đã xa lắm rồi
Cây gạo già đứng lặng
Hong gió trời hoang vắng
Hoa rơi rơi đan dày

Đêm lại tiếp sang ngày
Tháng Ba hoa gạo đỏ
Nghe chừng như trong gió
Tiếng ngày xưa thì thắm



- Minh họa: T.H

Hạt mưa ngâu lâm thâm
Hòa tan vào sắc đỏ
Hình như bàn chân nhỏ
Ngang qua cầu đa đoan

Vang tiếng chùa cầu an
Đôi bờ nghiêng nỗi nhớ
Vấn vương tình duyên nợ
Nắng chiều rơi lung chừng ...

• LÊ VĂN TRƯỜNG

Chôn bình yên

Trong ta có một miền quê nhỏ
Bốn mùa cây lá tỏa xanh tươi
Những con đường thắm năm quen thuộc
Tuổi thơ từng ký ức vẹn nguyên

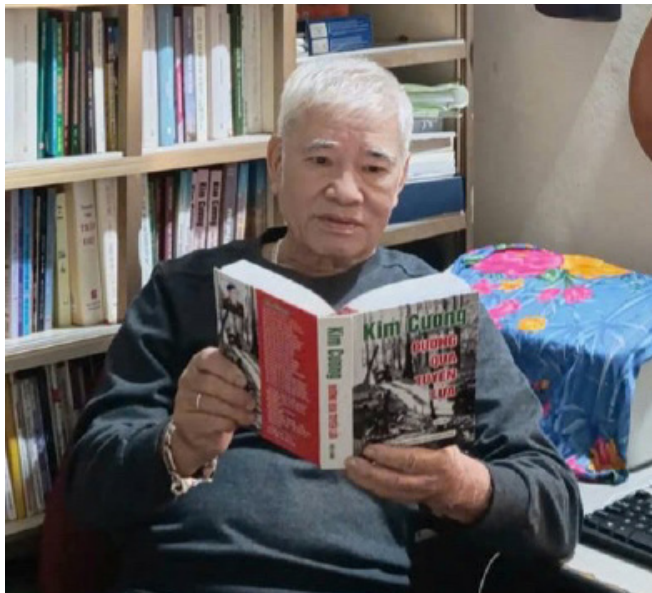
Mỗi sớm mai tiếng gà vang vọng
Vẫn thanh âm đón ánh mặt trời
Trong vườn những hàng cau thẳng lối
Trở màu hoa trắng thoảng hương thơm

Đám cỏ non cánh chuồn bay lượn
Dường như đang tìm kiếm bóng ai
Chạnh nhớ thuở đầu trần chân đất
Bao sớm chiều với cuộc đùa vui

Thời gian cứ lặng thầm trôi mãi
Quê nhà vẫn thế chẳng đổi thay
Những khi xa chạnh lòng khắc khoải
Thương yêu nào gửi chôn bình yên.

Hồn quê trong tiếng hò khoan

Có những bài thơ chinh phục người đọc không phải bởi ngôn từ trau chuốt mà từ vẻ đẹp mộc mạc và cảm xúc chân thành. “**Đêm nghe giọng hò khoan Lê Thủy**” của tác giả Kim Cương là một thi phẩm như thế. Tựa như dòng sông Kiến Giang êm đềm, bài thơ chở nặng phù sa của văn hóa, lịch sử và trên hết là tình đất, tình người.



Tác giả Nguyễn Kim Cương

- Ảnh: NH.V

Tác giả Kim Cương tâm sự: Trong những năm đảm nhiệm vai trò Ủy viên Thường trực Hội Di sản tỉnh và Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (cũ), tôi có điều kiện đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu các giá trị di sản văn hóa. Cũng từ đây, tôi “say” hò khoan Lê Thủy và đã có khá nhiều bài thơ về làn điệu dân ca độc đáo này. Bằng sự chân thành, vốn sống và vốn văn hóa của mình, tác giả đã viết nên những câu thơ giản dị nhưng lay động lòng người.

Bài thơ mở đầu bằng một khung cảnh giàu chất thơ và chứa đựng tâm trạng của thi nhân. “*Buồng mình giữa dòng Kiến Giang/khuya về/một mảnh trăng vàng che thân*”. Giữa dòng sông xanh, người thơ “buồng mình” để dòng sông quê hương ôm ấp, vỗ về. Trong cái mộng mông của sông nước và màn đêm, con người trở nên nhỏ bé, nhưng không hề đơn độc, bởi đã có ánh trăng làm bạn.

Trong không gian tĩnh lặng và trong trẻo ấy, âm thanh xuất hiện như một sự đánh thức, phá vỡ cái tĩnh mịch của màn đêm: “*Bỗng nghe một giọng hò ngân/*

Khoan khoan chi nữa/mà khoan giữa chừng”. Câu hò cất lên như một lời tự vấn, trách yêu, níu kéo đầy tình tứ, khiến người thơ rơi vào một trạng thái cảm xúc khó tả. Đó không phải sự “trào dâng” hay “vỡ òa”, mà là cảm giác “lưng lưng” - thứ cảm xúc nửa chừng, mơ hồ, lửng lơ, bàng khuâng, xao xuyến...

Qua tiếng hò, tác giả liên tưởng ngay đến cội nguồn của điệu hò. Hò khoan Lê Thủy vốn sinh ra từ lao động, gắn liền với “nhịp chày giã gạo”. Tiếng hò khoan nhịp nhàng chính là sự mô phỏng và cũng là sự thăng hoa của nhịp chày mộc mạc ấy.

Từ vốn hiểu biết văn hóa sâu sắc, tác giả bắt đầu “giải mã” và thưởng thức trọn vẹn bản hòa tấu của quê hương. “*Giọng hò chín mái ngân dài/Mái chè, mái nện/khoan thai nhịp nhàng/Hò khơi, hò lia rộn ràng/Mái nhì, mái xấp mênh mang lòng người/Mái ba, mái ruối không người/Nậu xăm, hò lia xé trời vang lên*”.

Từng câu thơ mở ra trước mắt người đọc một không gian lao động, sinh hoạt văn hóa, là sự “khoan thai, nhịp nhàng” của mái chè, mái nện, là không khí “rộn ràng” của hò khơi, hò lia, là “mênh mang” của mái nhì, mái xấp đầy trữ tình, sâu lắng, là cảm giác bàng khuâng “không người” của mái ba, mái ruối, bền bỉ như chính nhịp sống con người. Đặc biệt, tiếng Nậu xăm, hò lia xé trời vang lên như một sự thăng hoa cảm xúc, biểu tượng cho sức mạnh cộng đồng và khí phách của người Lê Thủy.

Qua đó cho thấy, hò khoan Lê Thủy là một tổ hợp âm thanh giàu sắc thái, phản ánh trọn vẹn các cung bậc tình cảm và mọi phương diện đời sống của con người. Điệu hò chính là sự kết tinh của cốt cách con người nơi đây, hiền hòa, nhân hậu nhưng cũng rất tài hoa, lịch thiệp. “*Giọng hò dịu ngọt thiết tha/Qua năm tháng hóa bài ca anh hùng/Ngợi ca thánh Giáp lấy lòng/Xuân Bồ oanh liệt đi cùng thời gian/Đại Phong gió mạnh/chuyển làn/Thành tấm gương sáng/mở màn thi đua...*”.

Tác giả đã có một sự liên kết vô cùng sâu sắc. Tiếng hò khoan “dịu ngọt thiết tha” của tình yêu, lao động, khi được nuôi dưỡng bằng tình yêu đất nước, đã “hóa bài ca anh hùng”. Đó là niềm tự hào về người anh hùng dân tộc - Đại tướng Võ Nguyên Giáp, là chiến công “Xuân Bồ oanh liệt” gắn liền với những hy sinh trong kháng chiến và phong trào “gió Đại Phong” trong những năm 60, một điển hình của lao động sản xuất, “mở màn thi đua” cho toàn miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hò khoan Lê Thủy không đơn thuần là di sản văn hóa mà còn là một thực thể sống động, kết tinh khí phách kiên cường và khát

vọng dựng xây quê hương của con người xứ Lệ.

Những câu thơ cuối bài, tác giả lại đưa người đọc về với thực tại nhưng không hề phá vỡ mạch cảm xúc xuyên suốt, mà trái lại càng tôn thêm vẻ đẹp gần gũi, thấm đẫm tình người của tiếng hò quê hương. “*Mơ màng/trong nhịp chèo khua/Thương em đội cả nắng trưa giữa đồng/Nóng ran/rát cả má hồng/Hong từng hạt lúa/vàng đồng quê ta...*”. Cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ lúc này xoay quanh một chữ “thương”. Chính từ sự cần mẫn, một nắng hai sương của “em” mới làm nên “vàng đồng quê ta”.

Tiếng hò khoan sở dĩ “hóa bài ca anh hùng” là bởi được bắt rễ từ chính giọt mồ hôi, sự tảo tần của những con người bình dị. Tình yêu quê hương của tác giả được cụ thể hóa bằng tình thương, sự trân trọng với người lao động.

Bài thơ khép lại bằng một gam màu sáng với những thanh âm vui tươi trọn vẹn. “*Giọng hò/vui nhộn đậm đà/Rộn vang khắp cả quê nhà đêm nay!*”. Nếu mở đầu là “giọng hò ngân” của một cá nhân, thì đến cuối bài là một bản hợp ca “rộn vang”, “vui nhộn”. Cái “tôi” cá nhân “buồng mình” lắng nghe đã hòa tan vào cái “ta” cộng đồng trong một niềm vui chung.

Với thể thơ lục bát truyền thống được ngắt nhịp linh hoạt, bài thơ mang nhịp điệu uyển chuyển, lúc ngắn, lúc dài, hòa cùng ngôn ngữ mộc mạc mà giàu sức gợi.

Cũng chính bởi nhịp điệu trầm bổng, giàu chất thơ và đậm hơi thở dân gian, bài thơ đã được nhạc sĩ Lê Đức Trí, Trưởng Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tỉnh, phổ nhạc thành ca khúc “*Nhớ về nghe giọng hò khoan*” được Nghệ sĩ nhân dân Thùy Linh thể hiện rất thành công. Với giai điệu mang đậm âm sắc hò khoan, ca khúc đã nhanh chóng chiếm được cảm tình của công chúng. Bài thơ còn được nghệ nhân ưu tú Hồng Hới (Câu lạc bộ Yêu cầu hò xứ Lệ) chuyển thể thành điệu hò 5 mái, góp phần bảo tồn, lan tỏa di sản văn hóa phi vật thể của quê hương.

Tác giả Kim Cương là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Trị, Trưởng Phân hội Văn học. Ông được biết đến là một cây bút văn xuôi sắc sảo của lực lượng công an với nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết hay về đề tài người lính, quê hương và con người. Sau khi nghỉ hưu, ông có nhiều thời gian hơn để sáng tác và bắt đầu bén duyên với thơ, rồi say mê với từng vần điệu.

Hải Lăng, miền khát vọng

Ở phía cực Nam của tỉnh, vùng đất Hải Lăng có một vị thế đặc biệt trong hành trình Nam tiến của cha ông. Hải Lăng tiếp giáp với xứ Huế, nơi có kinh thành Huế sau này, gắn liền với sự hình thành và phát triển của chế độ phong kiến nhà Nguyễn từ khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào Quảng Trị trấn nhậm năm 1558.

Hải Lăng trước kia là danh xưng một huyện, sau khi sáp nhập tỉnh, xã Hải Lăng mới được thành lập bao gồm các xã cũ: Hải Phú, Hải Lâm và Hải Thượng; còn xã Nam Hải Lăng được hình thành trên cơ sở sáp nhập các xã cũ: Hải Sơn, Hải Phong và Hải Chánh.

Phải nói đặc sản văn hóa số một trong văn học dân gian xứ này là bài ca Con gà Kê Diên, một tác phẩm văn chương truyền miệng có mặt trong nhiều công trình danh giá của các nhà nghiên cứu. Bài ca cũng nói về mùa xuân. Tháng Giêng, tháng Hai... vì quá khó khăn phải đi vay mà mua con gà mái ở chợ Kê Diên để mong sinh lợi. Nhưng rồi gặp vận hạn nên mất sạch đàn gà con. Khó khăn là thế nhưng bài ca kết thúc bằng hai câu bất hủ: *"Đừng than phận khó ai ơi/Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây"*. Trong những năm khói lửa trước năm 1975, khi tham dự hội thảo quốc tế tại châu Âu, nhà thơ Chế Lan Viên đã trân trọng vinh danh bài Con gà Kê Diên như một biểu tượng của phẩm giá con người Quảng Trị-Việt Nam, chứa đựng một tinh thần lạc quan ngay trong những thử thách ngặt nghèo nhất. Ông còn ví con gà Kê Diên như con phượng hoàng lửa phổ biến trong huyền thoại của nhiều nước phương Tây, dù chết, dù bị thiêu trụi vẫn tái sinh, bất diệt như niềm tin đất Việt, vẫn đâm chồi nảy lộc, tạo dựng màu xanh và mùa xuân từ chính tấm lòng mình, từ khát vọng nồng cháy, từ niềm tin sắt đá về khả năng cải hóa cuộc đời này.

Hải Lăng còn được xem là vựa lúa Quảng Trị với những cánh đồng phóng khoáng, với những sản vật nông nghiệp quen thuộc của văn minh lúa nước. Bốn bề là những chân

ruộng nối tiếp tận chân trời thoáng đạt, những đàn vịt nhõn nhơ vô sự, ung dung bơi lội thỏa thuê, bỏ qua những ràng buộc vướng víu bàn chân. Hình như bên cạnh sự khắc nghiệt của gió cát thì vùng đất này vẫn nhận được nhiều ân từ của đất trời. Tào hóa đã ban tặng cho nơi đây đủ núi, rừng, sông, biển và những cánh đồng rộng lớn, trải dài theo cả bốn hướng, xen lẫn với làng mạc quá đỗi nên thơ, gợi nên nhiều cảm xúc. Đó không chỉ là cảm giác của những người lần đầu trải nghiệm với vùng quê này mà cả với những người gốc gác Hải Lăng. Từ cây đa, đồng ruộng đến xóm làng, cứ thế đã trở thành những neo đậu cho tâm hồn người có nơi nương tựa.

Nhưng Hải Lăng còn có sông Ô Lâu. Đây là con sông đắp bồi phù sa cho những cánh đồng nuôi sống con người, tạo lập nên những xóm làng thân thương như máu thịt trong mỗi đời người. Đoạn sông này tên gọi Ô Giang, một nhánh sông Ô Lâu đầy ắp huyền thoại nên có nhà thơ gọi đó là dòng sông tình sử. Dòng sông này

đã chảy không biết qua bao nhiêu năm tháng, chứng kiến rất nhiều cuộc đời chìm nổi và cả những mối tình đã đi vào câu ca nổi tiếng gắn liền với cây đa, bến cũ (hay dân gian còn gọi là cây da, bến cộ). *"Trăm năm dầu lỗi hẹn hò/Cây da bến cộ, con đò khác đưa..."*, kể lại chuyện tình của chàng nho sinh xứ Nghệ vào kinh ứng thí, tình cờ gặp cô lái đò. Họ thương nhau, hò hẹn rồi câu chuyện không thành để lại câu ca da diết, mệnh mang trên dòng sông tình sử. Chuyện cũ đã đi vào huyền thoại, ca dao nhưng cảnh vật, tên đất, tên làng vẫn còn như một minh chứng cho những tấm lòng sắt son thể non hẹn biển.

Nếu bên kia sông Ô Lâu thuộc đất Huế có làng cổ Phước Tích nổi tiếng thì bên này sông thuộc tỉnh Quảng Trị có làng Hội Kỳ cũng được nhiều người biết đến, chủ yếu với kiến trúc nhà rường độc đáo. Làng quê Hội Kỳ nên thơ với những ngôi nhà mái thấp, với kiến trúc nhà gỗ lợp ngói được lưu giữ từ đời này qua đời khác. Tham quan nhà cổ, ta sẽ biết rõ hơn kiến trúc



Đường xuân Hải Lăng

- Ảnh: P.X.D

và nội thất của tổ ấm mà cha ông đã nghiền ngẫm sáng tạo nên, hiểu thêm thế nào là rường cột, kết cấu ràng buộc nhau trong một ngôi nhà gỗ, cảm phục bàn tay tài hoa, khéo léo và cả tâm hồn của người xưa gởi gắm vào kiến trúc của một ngôi nhà. Những ngôi nhà cổ Hội Kỳ mang vẻ cổ kính, gợi lên những giá trị vững bền được đắp bồi từ quá khứ. Hiểu được tâm nguyện của cha ông, con cháu đời sau đã giữ gìn, tu bổ những di sản kiến trúc quý giá của tổ tiên, làm nên giá trị văn hóa vật thể trong thời buổi bây giờ, một công việc đòi hỏi tâm huyết, tiền bạc và công sức. Đặc biệt, những người già vẫn cứ nặng lòng với những gì tiền nhân để lại, cho dù hôm nay, cuộc

sống văn minh đã làm thay đổi nhiều diện mạo làng quê. Gặp những bậc cao niên làng Hội Kỳ, nay thuộc xã Nam Hải Lăng, dù tuổi đã gần đất xa trời, họ vẫn cứ thao thức với việc bảo tồn nhà cổ làng quê. Theo họ, đó chính là hồn vía của ngôi làng.

Mùa xuân lại về với Hải Lăng theo quy luật vĩnh hằng của tạo hóa. Nói đến hồn vía làng quê thì không thể không nhắc đến các ngôi đình và những gì dưới mái đình làng. Văn đất ấy, người ấy, có điều gì khác xưa khi cuộc sống không ngừng biến chuyển? Quả thật có rất nhiều điều đã khác xưa. Nhưng có những điều dường như không hề thay đổi. Những cánh cò phân vân trên đồng ruộng chiều tà mà dấu chân lấm lấm bùn đã đi vào ca dao của những người nhà nông một nắng hai sương; những chân ruộng tưởng như thanh thoi kỳ thực đang nóng lòng, hối hả đợi vụ mùa sắp tới; những làng quê với bến nước sân đình đang ẩn chứa thâm sâu những gì tinh túy nhất của đất trời và con người từ bao đời nay vẫn thế.

Bình lặng và hiền hòa nhưng mảnh đất này đã kết tinh nên nhiều giá trị văn hóa có ý nghĩa quan trọng, nuôi dưỡng nhiều con người trở thành nhân vật lịch sử văn hóa của quê hương, đất nước. Cứ thế, vùng quê văn vật hiền hòa này vẫn cứ lắng sâu thi vị, rút ruột mình mà dâng hiến.

PHẠM XUÂN DŨNG



Một góc xã Hải Lăng - Ảnh: P.X.D

Vùng cát ven biển chuyển mình NHỜ NUÔI TÔM CÔNG NGHỆ CAO

Những dải cát ven biển từng khắc nghiệt bởi nắng gió, từng khiến người nuôi tôm nhiều phen trắng tay vì dịch bệnh, nay đang dần đổi thay. Từ những ao nuôi lợ mái, hệ thống xử lý nước khép kín đến quy trình kiểm soát môi trường chặt chẽ, một hướng đi mới đang hình thành. Nuôi tôm công nghệ cao không còn là câu chuyện thử nghiệm mà đã trở thành lựa chọn của nhiều hộ dân, mở ra kỳ vọng phát triển kinh tế bền vững trên vùng cát Quảng Trị.



Toàn cảnh hồ nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao trên cát của Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam-Chi nhánh Quảng Bình - Ảnh: Q.N

TỪ VÙNG NUÔI TRUYỀN THỐNG ĐẾN MÔ HÌNH CÔNG NGHỆ CAO

Trong bức tranh chung của ngành thủy sản, nuôi tôm nước lợ vẫn là lĩnh vực chịu nhiều tác động nhất từ thời tiết, dịch bệnh và biến động thị trường. Năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 2.320ha nuôi tôm, trong đó tôm thẻ chân trắng chiếm phần lớn với 1.800ha, sản lượng đạt gần 7.790 tấn. Tuy nhiên, hiệu quả chưa ổn định khi nhiều diện tích bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và chi phí đầu vào tăng cao.

Trong bối cảnh đó, nuôi tôm công nghệ cao từng bước được xem là hướng đi tất yếu. Toàn tỉnh hiện có 192,7ha nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao. Trong đó, khoảng 100ha do doanh nghiệp đầu tư, phần còn lại do người dân từng bước chuyển đổi.

Sự tham gia của các doanh nghiệp lớn đã tạo lực đẩy đáng kể. Tại xã Cam Hồng, mô hình nuôi tôm công nghệ cao của Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam-Chi nhánh Quảng Bình được triển khai trên diện tích hơn 2,5ha với hệ thống ao nuôi có mái che, xử lý nước tuần hoàn và kiểm soát tự động các chỉ số môi trường.

Anh Phạm Tất Đạt, Quản lý kỹ thuật công ty cho biết: “Chúng tôi áp dụng quy trình nuôi khép kín, kiểm soát chặt chẽ từ con giống, nguồn nước đến thức ăn. Nhờ đó, tỉ lệ sống của tôm cao hơn, hạn chế rủi ro dịch bệnh và nâng cao năng suất”.

Không chỉ tạo ra sản phẩm ổn định, mô hình này hiện đang giải quyết việc làm cho hơn 45 lao động địa phương với mức thu nhập từ 10-20 triệu đồng mỗi tháng.

Đây là con số đáng chú ý trong bối cảnh nhiều vùng ven biển còn gặp khó khăn về việc làm.

Cùng với đó, các dự án nuôi tôm công nghệ cao theo hệ thống tuần hoàn (RAS) cũng đang được triển khai, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, hướng đến quy mô lớn, hiện đại.

NGƯỜI NUÔI THAY ĐỔI CÁCH LÀM

Sự chuyển dịch rõ nét nhất nằm ở chính nông dân, những người từng gần bó lâu năm với cách nuôi truyền thống. Ông Ngô Minh Phiến, ở xã Sen Ngự, có 15 năm kinh nghiệm nuôi tôm, chia sẻ: Trước đây, gia đình ông nuôi theo phương thức truyền thống, ao đất không mái che, mật độ cao nhưng hiệu quả không ổn định. Khi chuyển sang mô hình công nghệ cao, ông đầu tư 4ha với 15 hồ nuôi, trong đó 2 hồ nuôi rộng 1.000m² có mái che.

“Nuôi theo công nghệ mới, mật độ hợp lý hơn, môi trường được kiểm soát nên tôm phát triển ổn định. Mỗi vụ chỉ khoảng 3 tháng vào mùa hè, 4 tháng vào mùa đông, sản lượng đạt khoảng 5 tấn/hồ. Doanh thu mỗi hồ khoảng 1,2 tỉ đồng, trừ chi phí vẫn còn lãi đáng kể”, ông Phiến cho biết.

Tổng thu nhập từ 15 hồ nuôi đạt gần 3 tỉ đồng/năm, tạo việc làm thường xuyên cho hơn 20 lao động với mức thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, chưa kể thưởng sau thu hoạch. Điểm thay đổi quan trọng nằm ở tư duy sản xuất. Người nuôi không còn phụ thuộc hoàn toàn vào kinh nghiệm mà chuyển sang tuân thủ quy trình kỹ thuật. Mô hình nuôi tôm hai giai đoạn, ba giai đoạn được áp dụng rộng rãi, giúp kiểm soát tốt hơn từ khâu ương giống đến nuôi thương phẩm. Tại các vùng nuôi trước đây thuộc tỉnh Quảng Bình (cũ), nhiều mô hình đã cho thấy hiệu quả rõ rệt. Ao ương nhỏ, trải bạt hoàn toàn giúp hạn chế mầm bệnh, dễ quản lý. Khi chuyển sang giai đoạn nuôi thương phẩm, môi trường được làm mới, giảm rủi ro và tiết kiệm chi phí thức ăn, điện, nhân công.

Người nuôi dần quen với việc sử dụng chế phẩm sinh học thay vì hóa chất, chủ động theo dõi các chỉ số môi trường. Đây là bước chuyển quan trọng giúp nghề

nuôi tôm phát triển theo hướng an toàn và bền vững hơn. Tuy vậy, nhiều hộ nuôi cho rằng việc tiếp cận vốn còn hạn chế khi tài sản thế chấp chưa phù hợp với đặc thù sản xuất. Đây là vấn đề cần được tháo gỡ để người dân mạnh dạn đầu tư.

HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ thực tiễn sản xuất, ngành nông nghiệp địa phương đã xác định nuôi tôm công nghệ cao là một trong những trụ cột phát triển kinh tế ven biển.

Ông Nguyễn Hữu Vinh, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết: Ngành đã tổ chức quan trắc môi trường thường xuyên, kịp thời cảnh báo các yếu tố bất lợi, giúp người nuôi chủ động phòng ngừa dịch bệnh. Đồng thời, nhiều lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật được triển khai nhằm nâng cao năng lực cho người dân. Cùng với đó, tỉnh đã hỗ trợ triển khai nhiều dự án nuôi tôm công nghệ cao, từng bước hoàn thiện hạ tầng và cơ chế chính sách. Trong giai đoạn tới, các chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản sẽ tiếp tục ưu tiên ứng dụng công nghệ, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao giá trị sản phẩm.

Tỉnh đang đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi tập trung như các khu nuôi: Bắc Nam Sông Gianh, xã Bắc Trạch; xã Trung Hải; xã Hoàn Lão. Hiện tỉnh đang đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường bố trí kinh phí để đầu tư xây mới và nâng cấp các khu nuôi trồng thủy sản tập trung như: Trường Ninh, Đồng Trạch, Hòa Trạch.

Trên những vùng cát ven biển, sự thay đổi không đến từ những công trình lớn mà bắt đầu từ từng ao nuôi, từng quyết định chuyển đổi của người dân. Khi khoa học kỹ thuật được áp dụng đúng hướng, khi doanh nghiệp và nông dân cùng đồng hành, một nền sản xuất mới đang hình thành.

Những mùa tôm ổn định hơn, những vùng nuôi sạch hơn và những người nông dân vững tin hơn, đó là tín hiệu cho thấy nuôi tôm công nghệ cao đang mở ra một chặng đường phát triển mới cho kinh tế ven biển Quảng Trị.

Q.N

QUẢNG TRỊ TUẦN QUA

Tuần này, từ ngày 16/3-20/3/2026, trên địa bàn tỉnh đã diễn ra một số sự kiện nổi bật:

- Ủy ban bầu cử tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 82/NQ-UBBC về việc công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu HĐND tỉnh Quảng Trị khóa IX, nhiệm kỳ 2026-2031.

Theo Ủy ban bầu cử tỉnh, tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu là 1.161.921 người, tại 1.512 khu vực bỏ phiếu. Tỉ lệ cử tri đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh đạt 99,88%. Trong đó có 52/78 xã, phường, đặc khu có tỉ lệ cử tri tham gia bầu cử đạt 100%. Toàn tỉnh có 20 đơn vị bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh.

Về kết quả bầu cử đại biểu HĐND Quảng Trị khóa IX, nhiệm kỳ 2026-2031, trong số 104 người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh, có 62 đại biểu trúng cử HĐND cấp tỉnh.

- Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị vừa tổ chức phiên họp định kỳ quý I/ 2026.

Theo đó, đối với các nhiệm vụ trọng tâm theo lộ trình Đề án 06, đến nay toàn tỉnh có 82,1% công dân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử; 86,8% doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký tài khoản

định danh điện tử VNeID; 63,8% công dân có bảo hiểm y tế có hiệu lực đã tích hợp số sức khỏe điện tử trên VNeID. Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 89,97%; tỉ lệ cấp kết quả điện tử đạt 89,98%. Số lượng thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước đã đạt mục tiêu 80%.

- Chiều 18/3/2026, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức hội nghị lần thứ 3 để cho ý kiến về tình hình kinh tế-xã hội, công tác xây dựng Đảng quý I, triển khai nhiệm vụ trọng tâm quý II/2026 và một số nội dung khác.

Phát biểu kết luận tại hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Phương, Bí thư Tỉnh ủy yêu cầu một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện: Tiếp tục lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các nghị quyết trụ cột, chiến lược của Bộ Chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình trọng điểm, tăng thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hoàn thiện, vận hành thông suốt mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước...

Đồng thời kiện toàn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của HĐND tỉnh, UBND tỉnh sau bầu cử Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031...

- Sáng 19/3/2026, tại Trường nội trú tiểu học và trung học cơ sở Kim Ngân, cùng với điểm cầu ở các tỉnh, thành phố trên cả nước, Quảng Trị đã tổ chức lễ khởi công xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền giai đoạn 2. Lễ khởi công được kết nối tới 11 điểm trường trong toàn tỉnh.

Theo đó, ngoài các trường đã khởi công trong giai đoạn 1, Quảng Trị đã đề xuất xây mới và nâng cấp thêm 11 trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã: Kim Ngân, Tuyên Lâm, Kim Phú, Kim Điền, Trường Sơn, La Lay, Tà Rụt, Hướng Lập, Lao Bảo, A Dơi và Lìa. Các dự án này có tổng quy mô 291 lớp học, phục vụ cho gần 10.000 học sinh, tổng mức đầu tư trên 2.300 tỉ đồng. Các công trình được đầu tư đồng bộ về phòng học, khu nội trú, khu sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong điều kiện mới.

TH.H (tổng hợp)

Những người “gác biển” trên đỉnh Hoành Sơn

Trên đỉnh Hoành Sơn hùng vĩ, tiếp giáp giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Trị, có một điểm cao mà ít người đặt chân tới. Khi đến đây, người ta mới cảm nhận hết sự khắc nghiệt của gió núi, sương rừng và cái nắng cháy da thịt. Trên đỉnh núi ấy, Trạm Ra đa 535, Trung đoàn 351, Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân vẫn lặng lẽ như một “mắt thần” không ngủ, ngày đêm quét sóng, canh giữ bình yên cho biển trời Tổ quốc.



Cán bộ, chiến sĩ Trạm Ra đa 535 thực hiện nghi thức chào cờ hằng tuần - Ảnh: T.Đ

“MẮT THẦN” KHÔNG NGỦ

Ở nơi tuyến đầu ấy, không có sự ồn ào, náo nhiệt. Chỉ có tiếng gió thổi qua những cành lá, tiếng máy móc vận hành đều đặn và những con người lặng lẽ với nhiệm vụ của mình. Những người lính ra đa nơi đây không trực tiếp đối mặt với sóng gió ngoài khơi xa, nhưng từng tín hiệu họ phát hiện, từng mục tiêu họ theo dõi lại chính là tuyến phòng thủ từ sớm, từ xa, bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Trạm Ra đa 535 đóng quân trên đỉnh Hoành Sơn-một vị trí đặc biệt quan trọng về quân sự. Từ đây, đơn vị có thể kiểm soát một vùng biển rộng lớn kéo dài từ phía Nam tỉnh Hà Tĩnh đến phía Nam tỉnh Quảng Trị. Đây là khu vực có mật độ

tàu thuyền qua lại lớn, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Chính vì vậy, nhiệm vụ của trạm không chỉ quan sát, mà còn phát hiện sớm, theo dõi chính xác và kịp thời báo cáo các tình huống phát sinh trên biển. Để hoàn thành nhiệm vụ, những người lính phải đối mặt với không ít gian nan. Nơi đây thời tiết khắc nghiệt, không chỉ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt mà còn tác động trực tiếp đến việc bảo đảm kỹ thuật, vận hành khí tài.

Thiếu tá Nguyễn Đình Chiến, Trạm trưởng Trạm Ra đa 535 cho biết: “Khó khăn lớn nhất là điều kiện thời tiết ở đây khắc nghiệt. Tuy nhiên, phát huy truyền thống của một đơn vị anh hùng, cán bộ, chiến sĩ của trạm luôn đoàn kết, nỗ lực vượt qua mọi trở ngại. Từ việc duy trì nghiêm chế độ trực sẵn

sàng chiến đấu, bảo đảm hậu cần, đến đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tất cả đều được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Bên cạnh đó, sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương, các lực lượng vũ trang trên địa bàn và bà con nhân dân cũng là nguồn động viên to lớn để đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Trên đỉnh Hoành Sơn, mỗi ngày trôi qua tưởng chừng lặng lẽ, nhưng thực chất lại là những giờ phút căng thẳng, đòi hỏi sự tập trung cao độ. Trong phòng trực, ánh sáng từ màn hình ra đa phản chiếu lên khuôn mặt của những người lính trẻ. Từng chấm sáng nhỏ xuất hiện trên màn hình không đơn thuần là tín hiệu kỹ thuật, mà có thể là một phương tiện đang di chuyển trên biển, một mục tiêu cần theo dõi, phân tích.



Hệ thống ra đa hiện đại có thể phát hiện nhiều mục tiêu trên biển của Trạm Ra đa 535 - Ảnh: T.Đ

“Ở đây, mọi thao tác đều phải chính xác. Mọi nhận định đều phải kịp thời. Và mọi sai sót, dù nhỏ nhất, cũng có thể dẫn đến những hệ lụy khó lường. Chính vì vậy, mỗi dịp trực đều phải duy trì sự tập trung cao độ. Kỷ luật, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm chính là “vũ khí” quan trọng nhất của những người lính ra đa”, thiếu tá Nguyễn Đình Chiến, Trạm trưởng Trạm Ra đa 535, chia sẻ.

cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, bám đài, bám trạm, không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn. Đồng thời, đơn vị cũng chú trọng công tác giáo dục truyền thống, giúp mỗi cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ giá trị của sự hy sinh, từ đó thêm vững vàng trong thực hiện nhiệm vụ”.

Đường lên đỉnh Hoành Sơn chỉ có một con đường độc đạo. Một bên là vách núi, một bên là vực sâu. Phía trước là biển rộng mênh mông, phía sau là rừng xanh bạt ngàn. Không có sự nhộn nhịp của phố thị. Nhưng ở nơi ấy, có một điều luôn hiện hữu-đó là tinh thần trách nhiệm và sự tận tụy của những người lính. Từng vòng sóng ra đa vẫn miệt mài quét qua mặt biển. Từng ca trực vẫn nối tiếp nhau trong lặng lẽ. Không ai biết hết vất vả phía sau những tín hiệu ấy. Chỉ biết rằng, nhờ có họ, những người lính thầm lặng trên đỉnh Hoành Sơn, biển trời Tổ quốc vẫn được canh giữ từ sớm, từ xa. Sự lặng lẽ ấy đã tạo nên một “lá chắn vô hình” vững chắc nơi tuyến đầu. Để rồi từ đó, bình yên lan tỏa về đất liền, để mỗi ngày trôi qua, cuộc sống của người dân vẫn yên vui, trọn vẹn.

TRUNG ĐỨC

Đầu làng... cuối phố

- Trên các tuyến cao tốc hiện nay, không khó để bắt gặp cảnh các phương tiện đang chạy với tốc độ cao bỗng giảm đột ngột khi đến gần khu vực nghi có cảnh sát giao thông kiểm tra. Sau khi đi qua những điểm này, tài xế lại nhanh chóng tăng ga để tiếp tục hành trình. Thói quen “giảm tốc độ để đối phó” đang trở nên phổ biến, đặt ra lo ngại về ý thức chấp hành luật giao thông của một bộ phận người lái xe.

- Không chỉ trên cao tốc, mà thực tế đó diễn ra trên nhiều tuyến đường. Không ít tài xế chỉ duy trì tốc độ đúng quy định tại những đoạn có camera hoặc biển cảnh báo. Hành vi này phản ánh một thực tế đáng suy nghĩ: Việc chấp hành luật giao thông đôi khi chỉ mang tính đối phó. Nguy hiểm hơn, trên các hội, nhóm mạng xã hội, tài xế còn chia sẻ vị trí camera, điểm bắt

tốc độ để “né” kiểm tra, mặc dù đã có trường hợp bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính.

- Thực tế cho thấy, khi các phương tiện đang di chuyển ổn định trên cao tốc mà đột ngột giảm tốc độ, xe phía sau dễ rơi vào tình huống bất ngờ, tiềm ẩn nguy cơ va chạm dây chuyền. Trên những tuyến đường có mật độ phương tiện cao, việc thay đổi tốc độ bất thường còn khiến dòng xe mất ổn định, làm tăng nguy cơ tai nạn giao thông. Không chỉ vậy, thói quen chỉ tuân thủ luật khi có sự giám sát còn làm suy giảm văn hóa giao thông, biến việc chấp hành quy định thành hành vi mang tính đối phó thay vì tự giác.

- Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ ý thức người tham gia giao thông. Một số tài xế vẫn mang tâm lý “tránh bị phạt” thay vì đặt yếu tố an toàn lên hàng

đầu. Bên cạnh đó, nhận thức về nguy cơ của việc chạy quá tốc độ chưa thật sự đầy đủ. Cần hiểu rằng camera giám sát hay lực lượng chức năng chỉ là công cụ hỗ trợ quản lý, còn yếu tố quyết định an toàn trên đường vẫn là ý thức của người cầm lái.

- Tuân thủ quy định về tốc độ không phải chỉ để tránh bị xử phạt, mà quan trọng hơn là bảo vệ tính mạng của chính mình và người khác. Mỗi tài xế cần nâng cao ý thức an toàn giao thông, hình thành thói quen duy trì tốc độ phù hợp trên toàn tuyến đường. Bên cạnh đó, cơ quan chức năng cần tăng cường tuyên truyền về văn hóa giao thông và ứng dụng hệ thống giám sát tốc độ liên tục trên cao tốc cũng như các tuyến đường có mật độ phương tiện cao để nâng cao hiệu quả giám sát.

HÀ VY

Thói quen nguy hiểm trên đường

Quảng Trị

muôn vẻ



Hoa gạo

chùa Cảnh Tiên

L.T.S: Chùa Cảnh Tiên là ngôi chùa cổ được xây dựng vào thế kỷ XVII, tọa lạc tại thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh cũ, nay thuộc xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Trị. Chùa được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh và phục dựng lại với diện mạo mới nhưng vẫn mang đậm nét cổ xưa. Đặc biệt, trong khuôn viên chùa có cây gạo hàng trăm năm tuổi đứng uy nghi nở hoa đỏ rực cả một khung trời...

- Ảnh: LÊ ĐỨC THÀNH



1-2. Tháp lửa

3. Chim hút mật hoa gạo

4. Cây gạo cổ thụ trước sân chùa